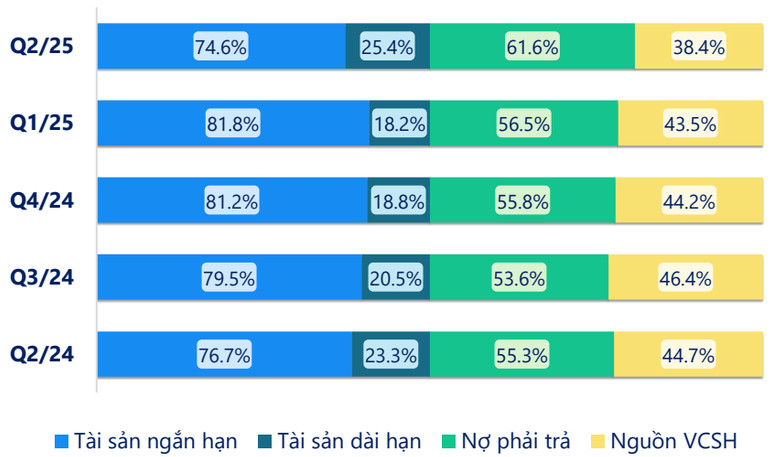
FireAnt

CTCP Cơ khí Đông Anh Licogi (UPCOM: CKD)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	25,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	21,855
SL cổ phiếu LH	31,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	575
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	775
P/E	7.0
EPS	3,548

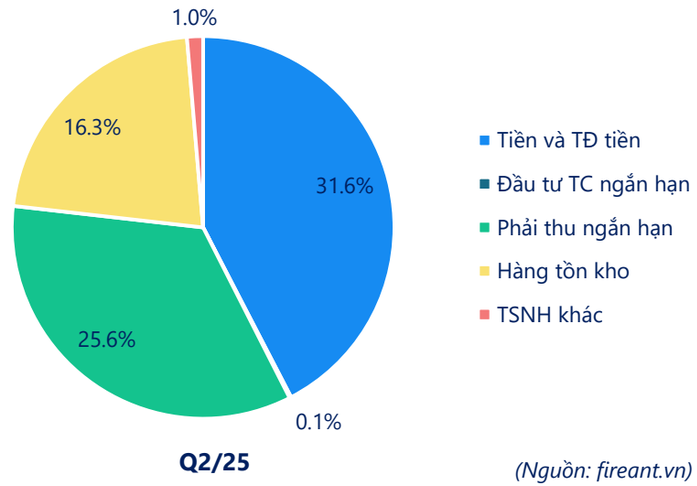
	YTD	1T	3T	6T
CKD	10.1%	0.4%	-1.2%	10.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



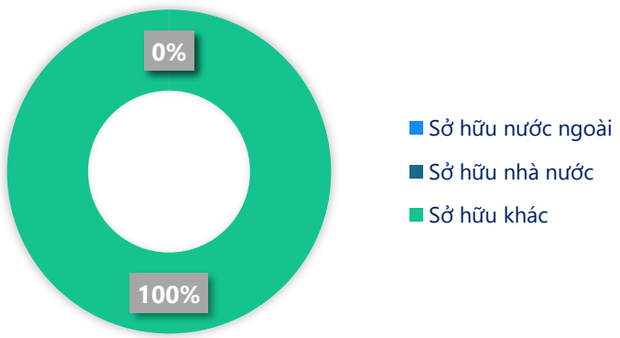
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



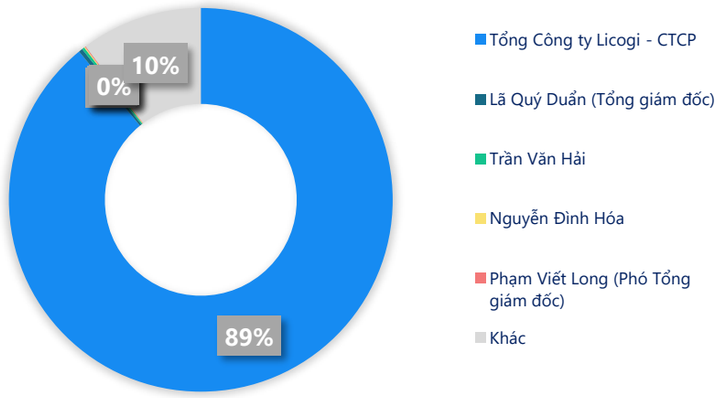
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



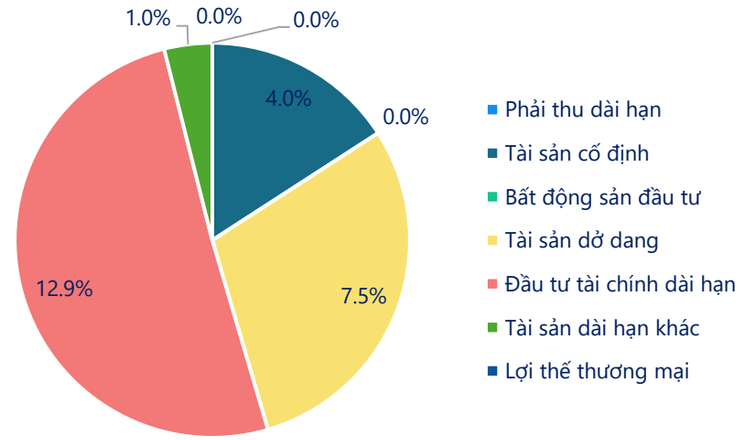
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

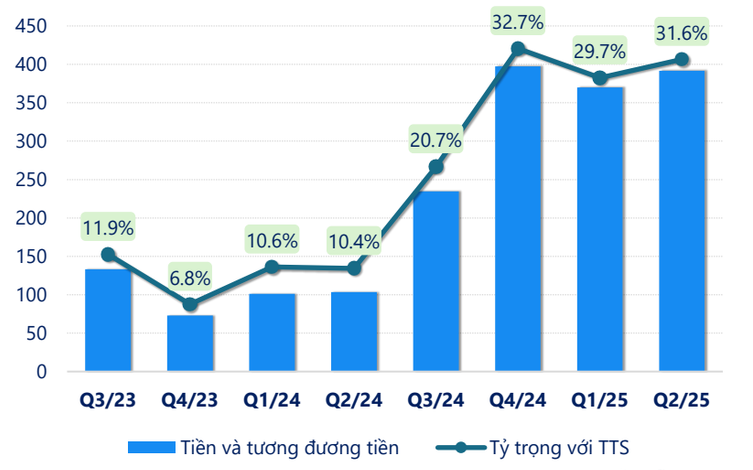


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

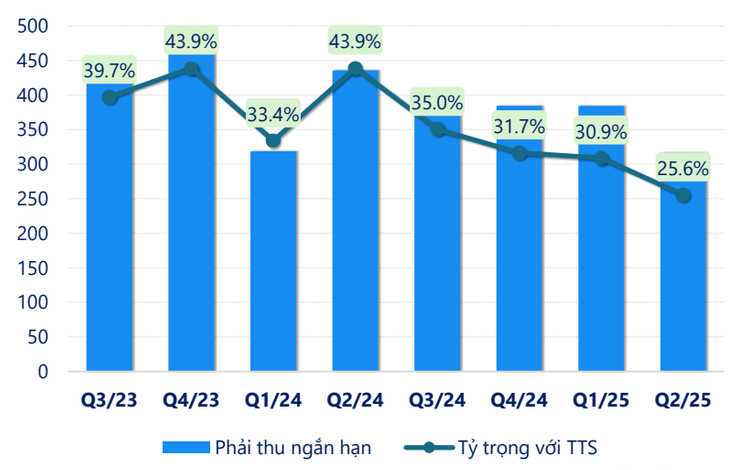
CTCP Cơ khí Đông Anh Licogi (UPCOM: CKD)

Tiền và tương đương tiền



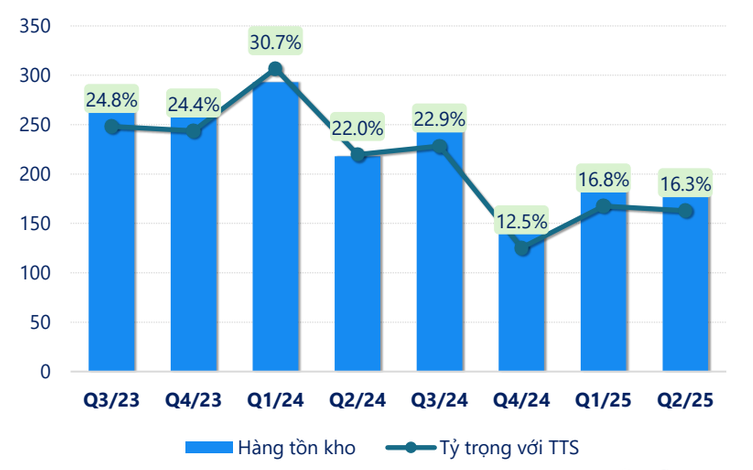
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



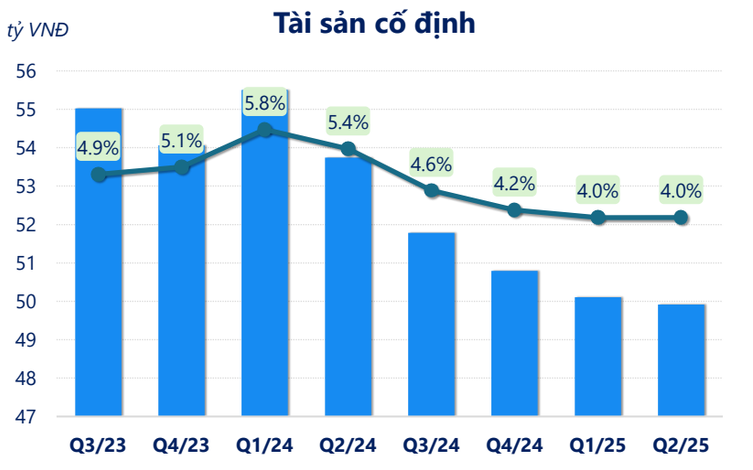
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



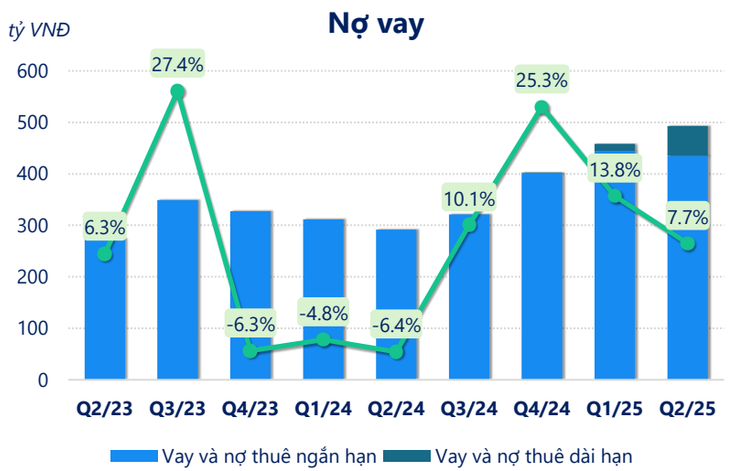
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



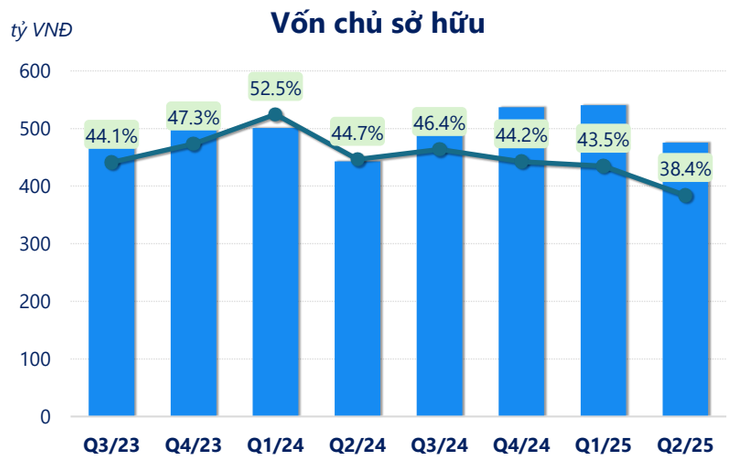
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

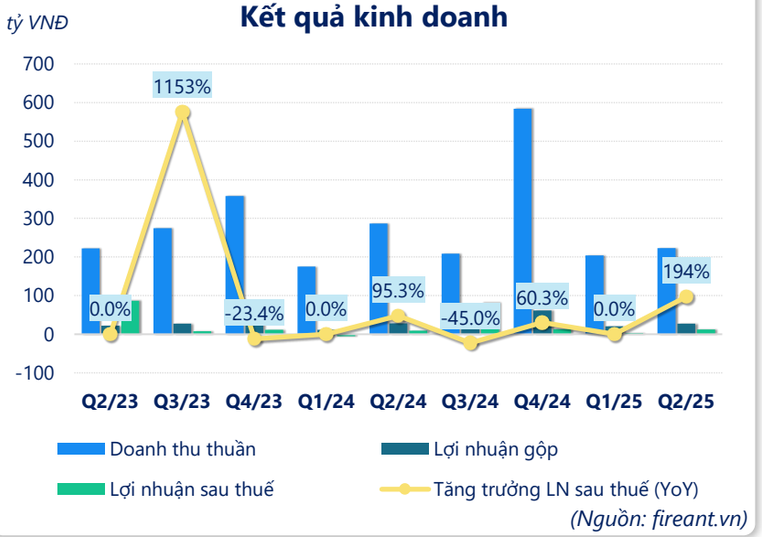
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

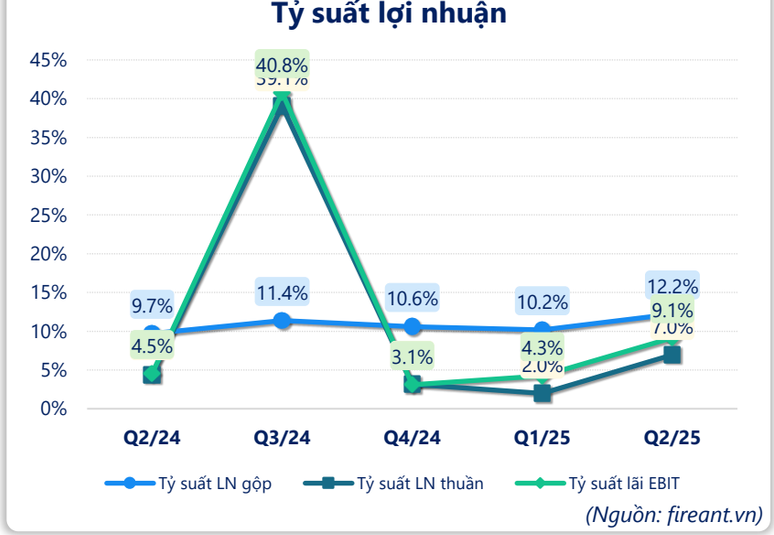
CTCP Cơ khí Đông Anh Licogi (UPCOM: CKD)

Kết quả kinh doanh



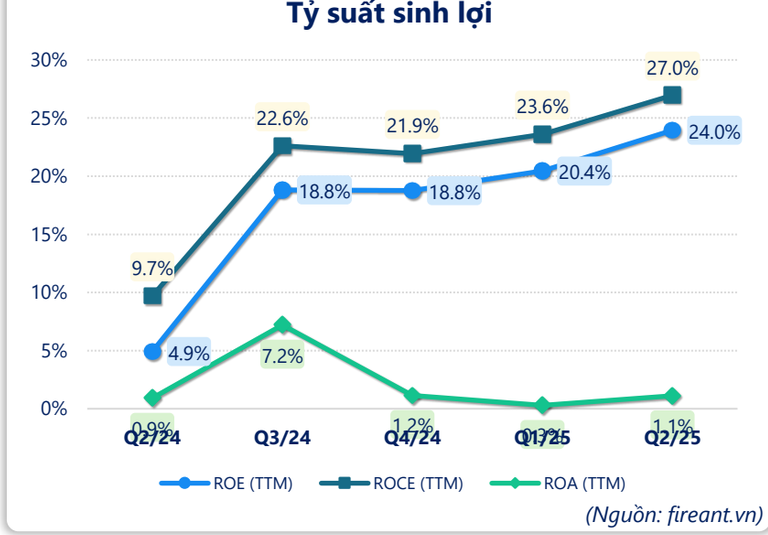
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



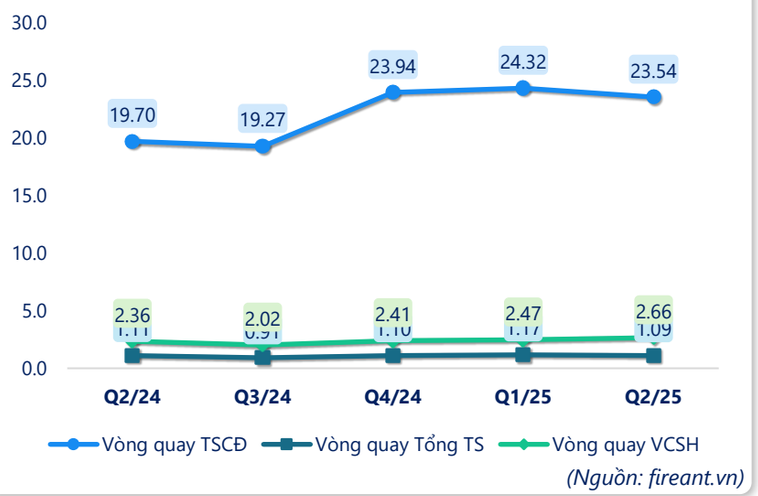
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



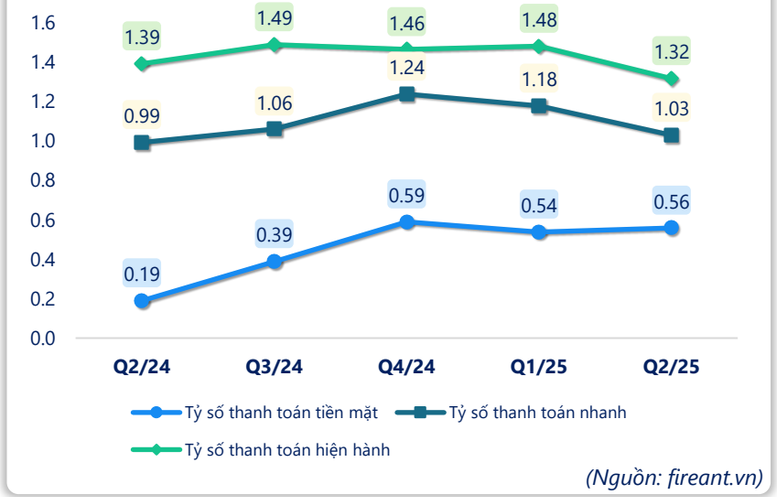
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



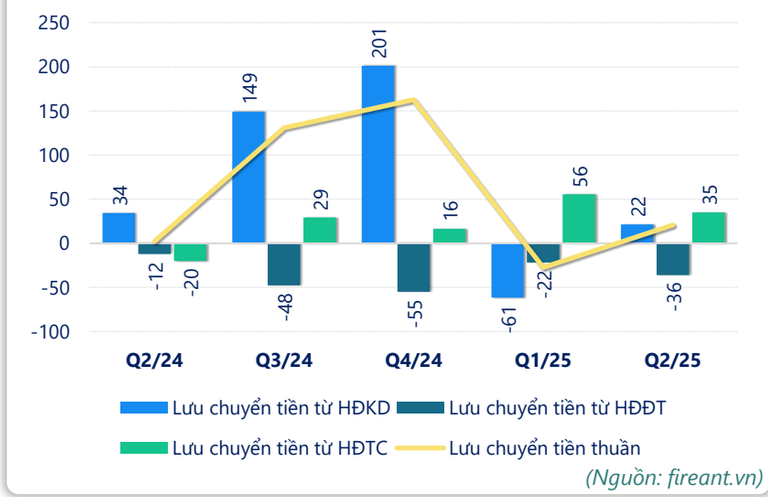
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Cơ khí Đông Anh Licogi (UPCOM: CKD)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,238**	**1,214**	**2.0%**
Tài sản ngắn hạn	924	986	-6.3%
Tiền và tương đương tiền	392	397	-1.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.30	51.3	-97.5%
Phải thu ngắn hạn	317	384	-17.6%
Hàng tồn kho	202	152	32.6%
Tài sản ngắn hạn khác	12.5	1.01	1141%
Tài sản dài hạn	**315**	**228**	**37.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	49.9	50.8	-1.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	93.1	4.05	2199%
Đầu tư tài chính dài hạn	159	159	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**12.4**	**14.1**	**-12.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	763	677	12.7%
Nợ ngắn hạn	**702**	**674**	**4.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	435	402	8.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	78.2	165	-52.6%
Nợ dài hạn	61.4	3.57	1618%
Vay và nợ thuê dài hạn	58.2	0.88	6493%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**475**	**537**	**-11.5%**
Vốn chủ sở hữu	**475**	**537**	**-11.5%**
Vốn điều lệ	310	310	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	287	209	584	204	223
Giá vốn hàng bán	259	185	522	183	196
Lợi nhuận gộp	27.9	23.8	61.9	20.8	27.3
Doanh thu HĐTC	1.12	79.4	3.87	4.53	5.74
Chi phí TC	3.05	3.29	3.70	4.58	4.95
Chi phí lãi vay	3.05	2.98	0.36	4.58	4.95
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	6.03	10.8	14.7	9.03	4.55
Chi phí QLDN	7.34	7.46	29.0	7.64	7.93
LN thuần từ HĐKD	12.6	81.6	18.3	4.06	15.6
Lợi nhuận khác	-2.63	0.57	-0.61	0.05	-0.12
LN trước thuế	9.95	82.2	17.7	4.11	15.5
Lợi nhuận sau thuế	8.95	81.1	13.2	3.24	12.5
LNST của CĐ cty mẹ	8.95	81.1	13.2	3.24	12.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	34.3	149	201	-61.3	21.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.1	-47.6	-54.9	-21.5	-35.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-19.9	29.4	16.4	55.6	35.1
Tiền đầu kỳ	101	103	234	397	370
Lưu chuyển tiền thuần	**2.33**	**131**	**163**	**-27.3**	**20.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.91
Tiền cuối kỳ	103	234	397	370	392

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic